

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/ 4/ 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thanh Bình
2. Bà Nguyễn Thị Tâm
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 26/4/2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H - Sinh năm 1996 (Có mặt).
Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn T - Sinh năm 1991 (Vắng mặt có lý do).
Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ - Tỉnh Điện Biên.
Hiện anh Lò Văn T đang chấp hành án tại: Đội 5, phân trại 1, Trại giam Nà T, xã Nà T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/02/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ vào ngày 22/10/2013. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không dành thời gian cho gia đình. Anh T sử dụng chất ma túy và đến tháng 9/2021 thì anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị đi cải tạo 18 tháng tù giam. Hiện anh T đi cải tạo tại trại giam Nà T để lại một mình tôi nuôi 2 con nhỏ rất khó khăn cuộc sống khủng hoảng trầm trọng, không có lối thoát. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 2 con chung là Lò Văn Q sinh ngày 01/07/2012 và Lò Thị Như Q, sinh ngày 17/06/2014. Quan điểm chị H xin được nuôi và chăm sóc cả 2 cháu vì anh T phải đi chấp hành án tại trại giam. Khi nào anh T ra trại đón cháu Quyền tôi đồng ý. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H khai không có.

Ngày 09/02/2022, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị H cho anh T biết và nhờ trại giam Nà T tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn T.

Tại bản tự khai ngày 30/03/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa anh Lò Văn T (bị đơn) trình bày nh- sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Lò Thị H lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ vào ngày 22/10/2013. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì tôi bị nghiện chất ma túy không có thời gian quan tâm vợ con nên chúng tôi đã ly thân. Đến ngày 25/8/2021 tôi vi phạm pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án. Nay nhận được thông báo thụ lý ly hôn của Tòa án quan điểm tôi đồng ý ly hôn.

2. Về con chung. Tôi và cô H có hai con chung Lò Văn Q sinh ngày 01/07/2012 và Lò Thị Như Q, sinh ngày 17/06/2014. Quan điểm chúng tôi khi ly thân từ năm 2019 là tôi nuôi cháu Q, cô H nuôi cháu Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có.

4. Những yêu cầu của khác người tự khai: Không có

5. Hiện bản thân tôi đang chấp hành án phạt tù tại đội 5 phân trại 1 trại giam N, tôi viết đơn này đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt Cho nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng chất ma túy và bị nghiện ma túy hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Đến tháng 9/2021 anh T bị xử án về tội ma túy hiện anh T phải đi cải tạo tại trại giam N để một mình chị H phải nuôi cả 2 con nhỏ. Do anh T phải đi chấp hành án một thời gian, cuộc sống không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng. Vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2022 anh T đồng ý ly hôn bản thân anh đang lao động cải tạo nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh T phải đi chấp hành án phạt tù không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ con không có thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải. Bản thân anh T đồng ý ly hôn. Tòa chấp nhận nguyện vọng của anh chị.

Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Hặc cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hặc xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị Hặc và anh Lò Văn Thịnh.

[3] Về con chung: Anh, chị có 2 con chung Lò Văn Q sinh ngày 01/07/2012 và Lò Thị Như Q, sinh ngày 17/06/2014. Quá trình ly thân 2 anh chị thống nhất mỗi người nuôi 01 con. Nhưng hiện tại anh T đang phải chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc các con và xét theo nguyện vọng của cháu Q, cháu Q được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Giao cả 2 cháu cho chị H nuôi dưỡng, khi anh T cải tạo về địa phương đón cháu Lò Văn Q thì chị H chấp nhận. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ- ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị H và anh T đều khai không có.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại anh T không thể có mặt tại địa phương để giải quyết phân tài sản của hai vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và anh T không xem xét giải quyết về phân tài sản của anh chị. Sau này anh T chấp hành án xong về địa phương nếu có yêu cầu giải quyết về phân tài sản sau khi ly hôn. Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Lò Văn T

2. Về con chung: Giao 2 cháu Lò Văn Q sinh ngày 01/07/2012 và Lò Thị Như Q, sinh ngày 17/06/2014 cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng.

Việc cấp d-ỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0004901 ngày 09/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

